

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN EA KAR

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 01/2022/LHST

Ngày 17/01/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Dũng.

2. Ông Y Nik Êban.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 275/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021, về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXX-TA ngày 08 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/ QĐST-TA ngày 31/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Ý T, sinh năm 1996. Trú tại: Khối 2A (nay là tổ dân phố 2A), thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Tăng Ngọc P, sinh năm 1996. Hộ khẩu thường trú: tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú cuối cùng: tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 03/7/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Trần Ý T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (T) và anh Tăng Ngọc P tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 11/10/2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 7/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hòa hợp, anh P không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, còn đánh đập tôi. Tháng 11/2017, anh P bỏ nhà đi khỏi địa phương không rõ tung tích, mặc dù tôi đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có kết quả nên tôi làm đơn yêu cầu tuyên bố anh P mất tích. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2021/QĐST-VDS ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tuyên bố anh Tăng Ngọc P mất tích và quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Tăng Ngọc P.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Tăng Ngọc Phúc L, sinh ngày 29/3/2017, sau khi anh P bỏ đi con chung do tôi nuôi dưỡng. Vì vậy, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình: về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử chị Trần Ý T được ly hôn với anh Tăng Ngọc P; về con chung: Giao con chung Tăng Ngọc Phúc L, sinh ngày 29/3/2017 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi; về tài sản chung và công nợ: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn chị Trần Ý T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Ý T là có căn cứ phù hợp khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Mặc dù bị đơn anh Tăng Ngọc P đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nhưng các thủ tục tố tụng đều được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú cuối cùng theo đúng trình tự quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Tăng Ngọc P là có căn cứ phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xét lời khai của đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định: Chị Trần Ý T và anh Tăng Ngọc P tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 11/10/2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: chị Trần Ý T và anh Tăng Ngọc P chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2017 phát sinh mâu thuẫn và đến 11/2017, anh Tăng Ngọc P bỏ nhà đi khỏi địa phương không có tin tức gì. Sau nhiều năm tìm kiếm nhưng không có kết quả nên chị Trần Ý T yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Tăng Ngọc P bị mất tích. Tại Quyết định giải quyết sơ thẩm việc dân sự số 02/2021/QĐST-VDS ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tuyên bố anh Tăng Ngọc P mất tích và quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Xét tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Ý T đối với anh Tăng Ngọc P là phù hợp với khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, phù hợp với đề nghị của đại diện viện kiểm sát, cần chấp nhận.

- *Về con chung*: Chị T và anh P sinh được 01 con chung là Tăng Ngọc Phúc L, sinh ngày 29/3/2017. Sau khi anh P bỏ đi con chung do chị T nuôi dưỡng và anh P đã bị tuyên bố mất tích. Do đó, xét yêu cầu của nguyên đơn chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Tăng Ngọc Phúc L là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Nguyên đơn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Nguyên đơn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[3] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn chị Trần Ý T phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do bà Phạm Thị Lệ T nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0005512 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử chị Trần Ý T được ly hôn với anh Tăng Ngọc P.

2. Về con chung: Giao con chung Tăng Ngọc Phúc L, sinh ngày 29/3/2017 cho chị Trần Ý T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Nguyên đơn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Anh Tăng Ngọc P được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh P không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Ý T phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do bà Phạm Thị Lệ T nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0005512 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Căn cứ Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bên có quyền thoả thuận việc thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 5 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật;

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
- Chi cục THADS huyện K.
- UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Xuân Chiến

